

Số: 791 /TB-YHCT

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc đề nghị báo giá

Loại hàng hóa: Mua sắm Thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm rút thẫu và bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025-2026. Gói thầu: Thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm rút thẫu và bổ sung sử dụng năm 2025-2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An

Căn cứ nhu cầu khám chữa bệnh tại Bệnh viện YHCT Trần Văn An.

Hiện nay Bệnh viện YHCT Trần Văn An có nhu cầu Mua sắm Thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm rút thẫu và bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025-2026. Gói thầu: Mua sắm Thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm rút thẫu và bổ sung sử dụng năm 2025-2026 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An. Danh mục chi tiết đính kèm (Phụ lục 01). Bệnh viện kính mời các đơn vị, công ty quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hóa theo danh mục trên.

Quý đơn vị, công ty điền thông tin và các loại giấy tờ, văn bản liên quan (nếu có) đến bệnh viện như sau:

- Bảng báo giá theo mẫu (Phụ lục 02)

1. Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 20 tháng 9 năm 2025 đến 16 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

2. Thông tin nhận báo giá:

- Khoa Dược Bệnh viện YHCT Trần Văn An (DS. Ngoãn - 0944150500)

- Địa chỉ: 44 Đoàn Hoàng Minh, Phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long.

3. Hình thức nhận báo giá: Bản Scan giấy hoặc bản cứng (có chữ ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp quý công ty) và file Excel.

Trân trọng./.

Nơi nhận: Mẫu

- Các đơn vị, công ty;
- Lưu VT; KDBV.

GIÁM ĐỐC



DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Thông báo số: 791/TB-YHCT ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
I. THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM					
1	Băng keo hấp	Cuộn	7	Nhà sx Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Kích thước: 12mm x 55m	
2	Băng thun 3 móc	Cuộn	34	Kích thước: 10cm x 4,5m. Kết hợp sợi poly. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
3	Băng cuộn	Cuộn	866	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Kích thước : 2,5cm x 5 m Cấu tạo từ vải silk được tráng keo nóng chảy ZnO, Acrylic. Lõi và nắp ngoài cuộn bằng nhựa	
4	Bao vải huyết áp	Cái	26	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	
5	Dây dẫn oxy và mask thở	Sợi	3	Làm từ nhựa PVC y tế mềm, trong suốt, dây không bị vận xoắn.	
6	Dây dẫn phun khí dung	Sợi	30	Kết nối với nguồn oxy từ bình hoặc hệ thống khí trung tâm, phun thuốc dạng sương qua đường mũi hoặc miệng điều trị về hô hấp.	
7	Dây truyền cánh bướm các số 23	Sợi	8	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Ống dây làm từ nhựa PVC y tế, thành ống dây dẻo không bị gập thắt.	
8	Dây truyền dịch AF/C	Sợi	80	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Ống dây làm từ nhựa PVC y tế, thành ống dây dẻo không bị gập thắt. Bộ màng lọc dịch kích thước 1,42cm, kích thước lỗ lọc 15 ul	
9	Bộ dây cắm mask thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Bộ	34	Chủng loại: XRQ-1 Chất liệu: Nhựa PVC Bộ dây cắm mask thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp gồm: 2 ống gân nhựa mỗi ống dài 100 cm (01 ống màu xanh, 01 ống màu trắng); 01 ống nối ba chạc (một chạc đường kính ngoài 21 mm gắn vừa mask thở, 2 chạc còn lại gắn vừa 2 ống gân nhựa nêu trên), trong ống nối có 2 bộ lọc	
10	Đề lưỡi gỗ tiết trùng	Cái	140	Đạt tiêu chuẩn ISO	
11	Găng tay chưa tiết trùng các cỡ	Đôi	12.000	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Găng tay khám được làm từ cao su. Dài (240 + 5mm)	
12	Găng tay tiết trùng	Đôi	1.400	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; số 6 ; 6.1/2; 7; 7.1/2. Găng tay không bột phẫu thuật, cao su vô trùng được khử trùng bằng phương pháp khử trùng bằng bức xạ gamma	
13	Gel bôi trơn	Tuýp	10	Đạt tiêu chuẩn ISO Dùng trong nội soi, bôi trơn. Thành phần water, glycerin, Glycol...	
14	Giấy siêu âm trắng đen UPP 110S	Cuộn	2	Đạt tiêu chuẩn ISO	
15	Kéo cắt chỉ đầu tù 16cm	Cây	10	Đạt tiêu chuẩn ISO	
16	Kéo cắt chỉ đầu nhọn 16cm	Cây	10	Đạt tiêu chuẩn ISO	
17	Kềm kelly thẳng 16cm	Cây	26	Đạt tiêu chuẩn ISO	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
18	Kim rút thuốc số 16 G	Cây	30	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
19	Mask phun khí dung	Cái	6	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
20	Mask (mặt nạ) thở chuyên dùng cho buồng oxy cao áp	Cái	500	Chủng loại: XQ-01 Chất liệu: Nhựa PVC, trắng trong dẻo Mask thở gồm: 01 chụp mask chuyên dùng cho buồng oxy cao áp và 01 dây chun. Bề mặt mask không có lỗ thông hơi, gắn vừa khít với mặt người bệnh, không có kẽ hở, kích thước mặt trong mask 12,5 x 7.5 x 6 cm (Dài x Rộng x Cao), đường kính bên trong lỗ nối 21mm	
21	Nước rửa phim X quang	Bộ	10	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Bộ gồm: Thuốc rửa phim hiện hình - Auto Developer Thuốc rửa phim hàm hình - Auto Fixer	
22	Nhiệt kế (thủy ngân)	Cái	8	Đạt tiêu chuẩn ISO	
23	Ống hút nhót	Cái	10	Size số 14; 16; (loại mềm), nhựa pvc an toàn Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	
24	Ống phun khí dung Mũi họng	Cái	34	Dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
25	Sonde oxy 2 lỗ người lớn	Cái	173	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
26	Sonde 2 nhánh	Cái	10	Size từ 12-20; có tráng silicon trong lòng ống Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
27	Sonde dạ dày	Cái	23	Các số không nắp dài 125cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
28	Phim X quang 24cm*30cm	Tấm	700	Đạt tiêu chuẩn ISO Kích thước 24cm x 30cm	Dùng trong chụp X Quang máy Allengers - 325
29	Phim X quang 30cm*40cm	Tấm	2.000	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Kích thước 30cm x 40cm	Dùng trong chụp X Quang máy Allengers - 325
30	Túi chườm nóng	Cái	2	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	
31	HAV-IgM	Test	20	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM trong máu toàn phần hoặc huyết tương/ huyết thanh Độ nhạy: ≥ 95%, độ đặc hiệu: ≥ 97%, có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của Sản phẩm.	
32	HEV-IgM	Test	20	Định tính phát hiện sự có mặt của kháng thể IgM kháng HEV trong máu toàn phần hoặc huyết tương/ huyết thanh Độ nhạy: 95%, độ đặc hiệu: ≥ 97%, có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của Sản phẩm.	
33	Anti HIV	Test	30	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Test được đóng trong túi riêng, hàn kín, test có Độ nhạy: ≥ 95%, độ đặc hiệu: ≥ 97%.	
34	Anti HCV	Test	200	Độ nhạy: 99,53%, độ đặc hiệu: 99,64% có sử dụng dung dịch đệm giúp tăng độ chính xác của sản phẩm	

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
35	HbsAg test nhanh	Test	100	Test được đóng trong túi riêng, hàn kín. Test có độ nhạy, độ đặc hiệu cao	
36	Que thử nước tiểu 10 thông số	Test	1.000	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sử dụng cho Máy xét nghiệm nước tiểu URSA-100
37	Bột TaLc	Kg	1.295	Đạt tiêu chuẩn ISO Bột talc không mùi, không vị, mịn không lẫn tạp chất Hàm lượng: SiO ₂ >60% MgO >30%	
38	Cam phor	Kg	92	Đạt tiêu chuẩn ISO Tinh thể có màu trắng, không tạp chất. Điểm nóng chảy trong khoảng 174-180 độ C Độ tinh khiết > 96%	
39	DẦU PARAFIN	Lít	14	Đạt tiêu chuẩn ISO Không mùi, khối lượng riêng ở 20 độ C trong khoảng 0.84-0.89g/cm ³	
40	GLYCERIN	Lít	80	Đạt tiêu chuẩn ISO Tinh khiết (99%), không màu, không lẫn tạp chất.	
41	Nước cất	Lít	420	Nước cất đã tiệt trùng đóng can, thùng nhựa, niêm phong kín, đạt tiêu chuẩn trong y tế.	
42	Tinh dầu Bạc hà	Lít	243	Đạt tiêu chuẩn ISO Không màu hoặc màu vàng nhạt. Hàm lượng tối thiểu 60%. Tan hoàn toàn trong cồn 70 độ với tỉ lệ 1:3.5 (1ml tinh dầu bạc hà tan hoàn toàn trong 3.5ml cồn 70 độ)	
43	Tinh dầu Hoa hồng	Lít	12	Đạt tiêu chuẩn ISO Màu vàng, có mùi hoa hồng đặc trưng	
44	Than hoạt tính	Kg	50	Đạt tiêu chuẩn ISO Hàm lượng: - chloride <0,3 - Zinc salt <0,007	
45	Erythrosine	Kg	0,280	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	
46	Tartazin BD	Kg	1,285	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	
47	Blue Patente BP	Kg	0,045	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	
48	Đường cát trắng	Kg	220	Đạt tiêu chuẩn cơ sở	
1. Máy huyết học 18 thông số					
49	Diluent_NK	Lít	200	Đây là dung dịch muối ổn định dùng để pha loãng máu toàn phần, định lượng và định tính hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu, HCT.	Hóa chất theo máy NiHon KoHden (Celltac α)
50	Dialyse_NK	ml	3.000	Hóa chất ly giải dùng để ly giải hồng cầu, để xác định số lượng bạch cầu, 3 thành phần của bạch cầu (Lym, Mid, Gra) và HGB	Hóa chất theo máy NiHon KoHden (Celltac α)
51	Diacleaner_NK	Lít	10	Đây là dung dịch để rửa và làm sạch các hệ thống ống dây, buồng đếm của máy, loại bỏ các thành phần kết tủa của máy sau mỗi chu kỳ phân tích	Hóa chất theo máy NiHon KoHden (Celltac α)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
52	Diaterge	Lít	15	Dây là dung dịch rửa dùng để bảo dưỡng làm sạch các hệ thống ống dây, buồng đếm của máy, loại bỏ các thành phần kết tủa của máu và các lắng cặn của lipoprotein	Hóa chất theo máy NiHon KoHden (Celltac α)
2. Máy xét nghiệm sinh hóa tự động					
53	Creatinin	ml	2.000	Hóa chất dùng định lượng Creatinin trong máu. Phương pháp đo Jaffe Color Kinetic	Hóa chất theo máy Monarch - 300
54	Ure	ml	500	Hóa chất dùng định lượng Ure trong máu. Phương pháp đo Kinetic	Hóa chất theo máy Monarch - 300
55	Glucose	ml	3.000	Hóa chất dùng định lượng Glucose trong máu. Phương pháp đo GOD/PAP. Enz-Color	Hóa chất theo máy Monarch - 300
56	AST/GOT	ml	750	Hóa chất dùng định lượng AST trong máu. Phương pháp đo Enzymatic - UV	Hóa chất theo máy Monarch - 300
57	ALT/GPT	ml	750	Hóa chất dùng định lượng ALT trong máu. Phương pháp đo Enzymatic - UV	Hóa chất theo máy Monarch - 300
58	Cholesterol	ml	1.750	Hóa chất dùng định lượng Cholesterol trong máu. Phương pháp đo Chod/PAP. Enz-Color	Hóa chất theo máy Monarch - 300
59	Triglyceric	ml	1.750	Hóa chất dùng định lượng Triglyceric trong máu. Phương pháp đo GOD/POD. Enz-Color	Hóa chất theo máy Monarch - 300
60	HDL_Cholesterol	ml	1.750	Hóa chất dùng định lượng HDL Cholesterol trong máu. Phương pháp đo Direct Enzymatic colorimetric	Hóa chất theo máy Monarch - 300
61	LDL- Cholesterol	ml	160	Hóa chất dùng định lượng LDL Cholesterol trong máu. Phương pháp đo Direct Enzymatic colorimetric	Hóa chất theo máy Monarch - 300
62	Albumin	ml	180	Hóa chất định lượng Albumin trong máu. Phương pháp đo Enzymatic end point	Hóa chất theo máy Monarch - 300
63	Protein	ml	180	Hóa chất định lượng Protein trong máu. Phương pháp đo Biuret.Colorimetric	Hóa chất theo máy Monarch - 300
64	Acid uric	ml	250	Hóa chất định lượng Acid uric trong máu. Phương pháp đo Enz - Color	Hóa chất theo máy Monarch - 300
65	Bilirubin Total	ml	250	Hóa chất định lượng Bilirubin Total trong máu. Phương pháp đo DMSO colorimetric	Hóa chất theo máy Monarch - 300
66	Bilirubin Direct	ml	250	Hóa chất định lượng Bilirubin Direct trong máu. Phương pháp đo DMSO colorimetric	Hóa chất theo máy Monarch - 300
67	Thuốc thử HbA1C (DIRECT HbA1C)	ml	330	Định lượng HbA1C DIRECT, dùng cho máy sinh hóa tự động	Hóa chất theo máy Monarch - 300
68	Chất hiệu chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CAL)	ml	2	Chất hiệu chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CAL), dùng cho máy sinh hóa tự động	Hóa chất theo máy Monarch - 300

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
69	Chất kiểm chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CONTROL)	ml	2	Chất kiểm chuẩn HbA1C (DIRECT HbA1C CONTROL), dùng cho máy sinh hóa tự động	Hóa chất theo máy Monarch - 300
70	Dung dịch rửa base cho máy sinh hóa tự động	ml	2.000	Alkaline Solution Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động	Hóa chất theo máy Monarch - 300
71	Dung dịch rửa cổng đo cho máy sinh hóa tự động	ml	1.000	System solution Dung dịch rửa máy sinh hóa tự động	Hóa chất theo máy Monarch - 300
72	GGT	ml	500	Hóa chất dùng định lượng GGT trong máu. Phương pháp đo Carbocy substrate Kinetic	Hóa chất theo máy Monarch - 300
3. Hóa chất nội kiểm máy huyết học 18 thông số					
73	Control huyết học 3 mức (L,N,H)	ml	30	Gồm mức thấp trung bình cao. Dùng trong chẩn đoán Invitro. Dạng dung dịch lỏng, đóng gói trong tuýp nhựa. Dùng kiểm tra và hiệu chuẩn thiết bị, Thành phần từ máu cừu, thỏ, người,... đã qua xử lý các mầm bệnh truyền nhiễm + chất bảo quản.	Hóa chất theo máy Nihon Kohden (Celltac α)
4. Hóa chất nội kiểm sinh hóa					
74	Control Normal	ml	80	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức bình thường. Dạng bột có nguồn gốc huyết thanh người, pha loãng trước khi sử dụng	Hóa chất theo máy Monarch - 300
75	Control Path	ml	80	Hóa chất nội kiểm sinh hóa mức cao. Dạng bột có nguồn gốc huyết thanh người, pha loãng trước khi sử dụng	Hóa chất theo máy Monarch - 300
76	SPINTROL"H" Calibtor	ml	20	Hóa chất chuẩn máy sinh hóa, dạng bột có nguồn gốc huyết thanh người, pha loãng trước khi sử dụng	Hóa chất theo máy Monarch - 300
5. Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa					
77	Ngoại kiểm Sinh hóa	Hộp	1	Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa. Quy cách: Hộp (6x5ml)	Hóa chất theo máy Monarch - 300
78	Ngoại kiểm Huyết học	Hộp	3	Hóa chất ngoại kiểm huyết học. Quy cách: Hộp (3x2ml)	Hóa chất theo máy NiHon KoHden (Celltac α)
6. Hoá chất xét nghiệm huyết học					
79	ABX MINIDIL LMG (10L)	Hộp	5	- Dung dịch trong suốt và không màu. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
80	ABX MINILYSE LMG (1L)	Hộp	2	- Dung dịch trong suốt và không màu. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 1 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
81	ABX MINICLEAN (1L)	Hộp	3	- Dung dịch trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 3 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
82	ABX MINOCLAIR (0.5L)	Chai	1	- Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5% + Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1% - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
83	ABX MINOTROL 16 (2H)	Hộp	1	- ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đẩy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương) (nếu có)	Ghi chú
84	ABX MINOTROL 16 (2L)	Hộp	1	- ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
85	ABX MINOTROL 16 (2N)	Hộp	1	- ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
86	ABX MINOCAL	Hộp	1	- ABX Minocal về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường - Thành phần: ABX Minocal chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: + Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. + Độ ổn định sau khi mở: ABX Minocal ổn định trong 1 ngày sau khi mở ống nếu nó được xử lý đúng cách và được để ngay vào tủ lạnh ở 2-8°C (35-46°F) sau khi sử dụng. ABX Minocal phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
87	KIT, MAINTERNACE MES/MESV	Hộp	1	Bộ KIT (MAINTENANCE MES/MESV) bao gồm các linh kiện tiêu hao như ron (O-ring) cao su và dây dẫn silicon, được thiết kế để thay thế định kỳ trong quá trình sử dụng máy.	Hoá chất sử dụng cho máy Micros ES60
Tổng: 87 khoản					

Tên đơn vị báo giá
Địa chỉ:
Số điện thoại:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phụ lục 02

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền Trần Văn An
Công ty (tên đơn vị báo giá) xin kính gửi Quý Bệnh viện bảng báo giá danh mục Mua sắm thiết bị y tế, hóa chất, vật tư xét nghiệm rút thăm và bổ sung phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2025-2026 như sau:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn kỹ thuật (hoặc tương đương)	Quy cách đóng gói	Hãng SX - Nước SX	Số lượng	Đơn giá (Có VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I. THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM								
1								
2								
								
II. HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM								
	1. Máy huyết học 18 thông số							
1								
2								
								
	2. Máy xét nghiệm sinh hóa tự động							
3								
4								
								

	3. Hóa chất nội kiểm máy huyết học 18 thông số		Page 2					
5								
6								
								
	4. Hóa chất nội kiểm sinh hóa							
7								
8								
								
	5. Hóa chất ngoại kiểm sinh hóa							
9								
10								
								
	6. Hóa chất xét nghiệm huyết học							
11								
12								
	...							
Tổng: khoản								

.....,ngày.... thángnăm 2025
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

* Bảo giá có giá trị đến ngày... tháng ...năm 2025
Đơn giá này bao gồm các loại thuế và chi phí vận chuyển đến Khoa được BV YHCT Trần Văn An